TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/3/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Nông Văn Vụ

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Mã Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/HNGĐST- QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bế Thị Thùy L - Sinh năm 1985; Dân tộc: Tày.

Cư trú tại: SN 12B, tổ MM, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T - Sinh năm 1982; Dân tộc: Kinh.

HKTT: thôn TĐ, xã HS, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Cư trú tại: tổ MM, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại đội 36, phân trại S, Trại giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Bế Thị Thùy L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bế Thị Thùy L và anh Nguyễn Trọng T kết hôn vào ngày 18/8/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 18/8/2010 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NX, thị xã CB (Nay là phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng). Khi cưới, cả hai vợ chồng đều là lao động tự do.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và anh T nhiều khi không thành thật với vợ. Đến năm 2013 anh T bị công an bắt và tháng 9/2014 anh T bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì từ lúc đó cho đến nay chị L cho rằng chị đã mất niềm tin vào anh T và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng T (giới tính: Nam) - sinh ngày 19/12/2010. Sau khi ly hôn, chị L sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2018/QĐ - TUTA ngày 05/01/2018 cho Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho anh Nguyễn Trọng T, cho anh T viết bản tự khai và lập biên bản lấy lời khai trong trường hợp anh T khai không đầy đủ hoặc không rõ.

Tại biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên lập ngày 17/01/2018, bị đơn là anh Nguyễn Trọng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T nhất trí với ý kiến của chị L về điều kiện và thời gian kết hôn. Anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn. Ngày 23/9/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, kể từ sau khi anh T bị bắt vào tháng 02/2014 cho đến nay anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí ly hôn theo như yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Anh T xác nhận quá trình chung sống chị L và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng T (giới tính: Nam) - sinh ngày 19/12/2010. Do hiện nay bản thân anh T đang thụ hình án nên sau khi ly hôn, con chung sẽ do chị L sẽ là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử ly hôn vắng mặt anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy chị L và anh T đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, cả hai bên nhất trí thuận tình ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: hai bên đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị L và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ban hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: Chị Bế Thị Thùy L viết đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với anh Nguyễn Trọng T, cả hai đương sự đều có nơi cư trú tại tổ MM, phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn Trọng T hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Phú Sơn 4, Thái Nguyên. Đồng thời, ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Phú Lương cho anh T viết bản tự khai, lập biên bản lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Bế Thị Thùy L kết hôn với anh Nguyễn Trọng T vào ngày 18/8/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NX, thị xã CB (nay là phường NX, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng). Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Bế Thị Thùy L và anh Nguyễn Trọng T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị L và anh T, kết quả xác minh cho thấy chị L, anh T có phát sinh mâu thuẫn với nhau nhưng mâu thuẫn không lớn và chưa yêu cầu tổ dân phố hòa giải. Năm 2014 anh T có bị xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên hai tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh T đều thừa nhận hai vợ chồng trong quá trình chung sống trước đây không có mâu thuẫn, nhưng kể từ khi anh T bị Tòa án xử phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì hai bên mới xảy ra mâu thuẫn, hiện tại cả chị L và anh T đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau và đều yêu cầu tòa giải quyết ly hôn. Căn cứ trên lời khai của các bên đương sự có thể nhận thấy rằng chị L và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó, quyền và nghĩa vụ vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Do đó, cho chị L và anh T ly hôn theo đơn khởi kiện của chị L, ý kiến của anh T cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng T (giới tính: Nam) - sinh ngày 19/12/2010; Do hiện nay bản thân anh T đang bị tạm giam nên sau khi ly hôn, chị L và anh T đều thống nhất: con chung sẽ do chị L sẽ là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh hiện nay của chị L và anh T, xem xét nguyện vọng của con chung cần chấp nhận giao con chung cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo điều kiện vật chất, nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh T đều xác nhận không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung, nợ riêng: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết do hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bế Thị Thùy L và anh Nguyễn Trọng T.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Trọng T (giới tính: Nam) - sinh ngày 19/12/2010 cho chị Bế Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

[3] Về chia tài sản chung: Không có, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết. Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bế Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000260 ngày 03/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Bế Thị Thùy L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trọng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Chi cục thi hành án dân sự TPCB;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Na